

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16/9/2020.

V/v “Ly hôn và chia tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H**

- *T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Xuân Minh.

Ông Bạch Đình Thiết.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Phan Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà:* Ông Lê Thuận Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 16/9/2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/6/2020 về việc “Xin ly hôn và chia tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-DS ngày 25/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị H; sinh năm 1983; địa chỉ: xóm 8, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Đoàn Mạnh H; sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm 8, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Đoàn Khắc L, sinh năm 1953 và bà Phan Thị T, sinh năm 1953. Đều trú tại: Xóm 8, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. (Ông L có mặt; bà T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.2. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc Tuấn, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Việt Nam - chi nhánh H, tỉnh Hà Tĩnh II.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quốc Tuấn: Ông Trần Khánh N, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Việt Nam - chi nhánh H, Hà Tĩnh II. Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. (Có mặt).

3.3. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam; Địa chỉ: 169, phố Linh Dương, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, T phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, do ông Lê Viết T, chức vụ: Giám đốc (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/6/2020, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn chị Phan Thị H trình bày:

Về tình cảm: Chị Phan Thị H và anh Đoàn Mạnh H đăng ký kết hôn vào ngày 10/3/2006 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống tại xóm 8, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vợ chồng hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung khắc với nhau làm cho cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, mệt mỏi, không có hạnh phúc. Mặc dù đã được chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không T, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không còn. Chị H xác định không còn tình cảm với chồng, không thể nào hàn gắn được nên yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Con thứ nhất tên là Đoàn Thị G, sinh ngày 28/01/2007, con thứ 2 tên là Đoàn Phan Ngọc S, sinh ngày 22/5/2012. Chị Phan Thị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi các con trưởng T và không yêu cầu anh Đoàn Mạnh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tài sản chung của vợ chồng gồm có: 01 mảnh vườn ở tại xóm 8, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; 01 nhà gỗ xây bao 03 gian (02 gian gỗ và 01 gian xây) tổng trị giá nhà và đất khoảng 260.000.000đ; 01 chuồng trâu xây gạch tấp lô trị giá khoảng 5.000.000đ; 01 con trâu đực màu đen, 4 năm tuổi trị giá khoảng 35.000.000đ; 01 chiếc máy cày trị giá khoảng 25.000.000đ. Chị H đề nghị được nhận phần đất không có nhà, còn nhà và phần đất lớn hơn nhường lại cho anh H ở để thờ phụng tổ tiên vì anh H là con trai trưởng.

Về nợ chung: Vợ chồng có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện H - Hà Tĩnh II số tiền: 80.000.000đ và vay của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H số tiền: 62.000.000đ. Chị H có nguyện vọng là anh H chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh H - Hà Tĩnh II, còn chị H chịu trách nhiệm trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H.

Bị đơn anh Đoàn Mạnh H trình bày:

Về tình cảm: Anh H thừa nhận điều kiện, thời gian và nơi đăng ký kết hôn của vợ chồng như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc, anh H cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức quá trầm trọng như chị H trình bày. Anh H có nguyện vọng được đoàn tụ để nuôi dạy con cái ăn học trưởng T và không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị H trình bày là đúng thực tế. Nguyện vọng của anh H là các con được sống cùng bố mẹ nhưng nếu ly

hôn, các con muốn sống cùng với mẹ thì anh H tôn trọng nguyện vọng của các con. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng anh H nhất trí, nếu sau này có tiền anh H sẽ cho các con.

Về tài sản chung: Theo anh H thì đất là cha mẹ cho vợ chồng anh H để ở chứ không phải để chia nhau nên không được tính là tài sản chung của hai vợ chồng. Nhà gỗ 02 gian trị giá khoảng 20.000.000đ, phần xây không có giá trị; 01 con trâu đực màu đen, 4 năm tuổi trị giá khoảng 35.000.000đ; 01 chiếc máy cày trị giá khoảng 15.000.000đ. Anh H đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung như chị H trình bày như trên là đúng thực tế. Anh H đề nghị giải quyết về nợ chung như sau: Anh H nhận trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Việt Nam, chi nhánh H, Hà Tĩnh II còn chị H nhận trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Số nợ chung cộng lại chia đôi hai người cùng trả ngang nhau.

Ý kiến của các con Đoàn Thị G và Đoàn Phan Ngọc S để có nguyện vọng được sống cùng mẹ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Khắc L và bà Phan Thị T trình bày: Đất đai là của ông bà cho vợ chồng anh H chị H ở, nếu vợ chồng ly hôn thì không được chia đất cho vợ chồng. Vì đất này là đất của tổ nghiệp, trước đây ông L bà T đã thỏa thuận tặng cho vợ chồng sử dụng để ở chứ không phải để chia cho vợ chồng khi ly hôn, nên không được tính vào tài sản chung của hai vợ chồng.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Việt Nam, chi nhánh H, Hà Tĩnh II - ông Trần Khánh Ninh, chức vụ: Phó Giám đốc trình bày: Ngày 24/12/2018, vợ chồng anh H chị H ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng để vay số tiền 80.000.000đ. Thời hạn vay: 30 tháng; thời hạn trả nợ: 24/12/2022; mục đích vay: sản xuất kinh doanh; lãi suất vay: 10,5%/năm. Yêu cầu anh H chị H trả nợ cho Ngân hàng trước khi ly hôn số tiền nợ gốc là 80.000.000đ và lãi tính đến ngày xét xử vụ án ngày 16/9/2020 là 368.219đ. Nếu không trả nợ trước khi ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết giao tài sản là bất động sản (quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất) cho ai thì người đó có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, tỉnh Hà Tĩnh ông Lê Viết T, chức vụ: Giám đốc trình bày: Số nợ gốc mà vợ chồng anh H chị H vay là: 62.000.000đ. Trong đó: Ngày 25/6/2016 vợ chồng vay 50.000.000đ, mục đích vay: chăn nuôi trâu cày kéo và sinh sản, thời hạn trả nợ: 08/5/2021; Ngày 08/8/2018 vay 12.000.000đ, mục đích vay: chương trình nước sạch, thời hạn trả nợ: 08/8/2023. Yêu cầu anh H chị H trả nợ cho Ngân hàng trước khi ly hôn số tiền nợ gốc là 62.000.000đ và lãi tính đến ngày xét xử vụ án ngày 16/9/2020 là 69.000đ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã hòa giải nhiều lần nhưng chị H và anh H không thể thỏa thuận được với nhau về quan hệ tình cảm, con chung, tài sản chung và nợ chung. Ngày 07/7/2020 chị H có đơn yêu cầu xem xét thẩm định và định giá tài sản, nên ngày 28/7/2020 Tòa án đã T lập Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản trong tố tụng dân sự. Các tài sản đưa ra thẩm định, định giá đã được các bên đương sự cùng thừa nhận để làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Kết quả định giá tổng giá trị tài sản là: 297.861.586đ, cụ thể: Đất đai có trị giá: 138.263.000đ; Tài sản trên đất có trị giá: 159.598.586đ. Ngoài ra còn có một số tài sản, vật dụng khác, chị H anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết và thẩm định, định giá tài sản nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, kiểm sát việc tuân theo pháp luật có ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý đơn, giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS; nguyên đơn, bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ Điều 29, Điều 33 khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 62, khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015; điểm a, b Khoản 1 Điều 24, điểm a, b Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, quyết định:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phan Thị H ly hôn anh Đoàn Mạnh H
- Về nuôi con chung sau khi ly hôn: Giao cháu Đoàn Phan Ngọc S (sinh 22/5/2012) và cháu Đoàn Thị G (sinh 28/01/2007) cho chị Phan Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi T niên hoặc đến khi có sự thay đổi về quyền nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con chung: không yêu cầu nên tòa án không giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung:

Giao cho anh H quản lý, sử dụng số tài sản sau: Quyền sử dụng 1470,8m² đất (gồm 200m² đất ở và 1270,8m² đất trồng cây lâu năm) từ thửa đất số 380, tờ bản đồ số 9 ở xóm 8, xã H (trong đó phần đất ở có chứa các tài sản gắn liền trên đất); các tài sản gắn liền trên đất bao gồm: 01 nhà gỗ diện tích 79,68m² (xây bao tường, gạch táp lô, trát xi măng, móng đá hộc, lợp ngói, cửa bằng gỗ, phần gỗ bằng gỗ tạp); 01 một mái lợp prôximăng diện tích 28,8m² (móng đá hộc, tường xây gạch táp lô, không trát), 01 sân láng xi măng diện tích 38m², 01 mái che (cột bê công cốt thép, khung sườn gỗ, lợp prôximăng), 01 chuồng trâu diện tích 17,25m². Anh H phải chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh H Hà Tĩnh II số tiền 80.000.000đ và lãi kèm theo. Anh H phải đưa lại cho chị H số tiền 29.499.293đ tiền chênh lệch giá trị tài sản nhận được. Như vậy, tổng giá trị tài sản anh H nhận được là

171.974.693 (gồm 92.175.300đ tiền giá trị quyền sử dụng đất và 79.799.293đ giá trị các tài sản khác). Tổng giá trị nợ anh H phải trả là 71.000.000đ

Giao cho chị H quản lý, sử dụng số tài sản sau: Quyền sử dụng 735,4m² đất (gồm 100m² đất ở và 635,4m² đất trồng cây lâu năm) từ thửa đất số 380, tờ bản đồ số 9 ở xóm 8, xã H (trong đó phần đất ở không các tài sản gắn liền trên đất), 01 máy cày xới đất cầm tay nhãn hiệu GN91, 01 con trâu đực 04 năm tuổi. Chị H phải chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Chính sách huyện H, Hà Tĩnh số tiền 62.000.000đ và lãi kèm theo. Chị H được nhận số tiền 29.499.293đ từ anh H do chênh lệch giá trị tài sản nhận được. Như vậy, tổng giá trị tài sản chị H nhận được là: 125.886.993 đ (trong đó 46.087.700đ tiền giá trị quyền sử dụng đất và 79.799.293 giá trị các tài sản khác). Tổng giá trị nợ chị H phải trả là 71.000.000đ

- Về án phí: Chị Phan Thị H chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án tại biên lai số AA/2019/0004541 của Chi cục THADS H. Nguyên đơn, bị đơn phải chịu tiền án phí chia tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn và chia tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ vợ chồng: Chị Phan Thị H và anh Đoàn Mạnh H đăng ký kết hôn vào ngày 10/3/2006 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H là hợp pháp. Trong thời kỳ hôn nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin ở nhau. Sự việc đã được chính quyền địa phương hòa giải, hai bên nội ngoại khuyên nhủ nhiều lần nhưng không T, vợ chồng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị H và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được nữa. Việc chị H làm đơn xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên HĐXX chấp nhận chị H được ly hôn với anh H.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung, con thứ nhất tên là Đoàn Thị G, sinh ngày 28/01/2007 và con thứ hai tên là Đoàn Phan Ngọc S, sinh ngày 22/5/2012. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H nhất trí với nguyện

vọng của chị H, nhường quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con cho chị H. HĐXX thấy rằng việc giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Xét hoàn cảnh và điều kiện thực tế của chị H có thể đảm bảo quyền lợi về mọi mặt để con được phát triển khỏe mạnh, bình thường. Đồng thời, xét nguyện vọng của hai cháu Đoàn Thị G và Đoàn Phan Ngọc S là đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Điều này là hoàn toàn phù hợp với thực tế cũng như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Vì vậy, HĐXX căn cứ vào Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên giao cả hai con cho chị H nuôi dưỡng đến khi các con trưởng T (đủ 18 tuổi). Chị H không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cấm là phù hợp với điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Sau này hai bên có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hay về cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[4] Về tài sản chung:

4.1. Về nguồn gốc đất: Qua xem xét về nguồn gốc và kết quả xác minh tại địa phương xét thấy nguồn gốc đất đai của anh H chị H đang sử dụng trước đây là của ông Đoàn Khắc L, bà Phan Thị T (cha mẹ ruột của anh H) đã tặng cho vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Thửa đất đã được làm thủ tục hồ sơ tặng cho theo đúng quy định của pháp luật và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 415767 cấp ngày 16/11/2018 của UBND huyện H mang tên anh Đoàn Mạnh H và chị Phan Thị H. Sau khi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh H, chị H sử dụng ổn định, không có ai tranh chấp. Do đó, thửa đất nói trên là tài sản chung của hai vợ chồng có trong thời kỳ hôn nhân.

Căn cứ vào Biên bản định giá tài sản ngày 03/8/2020 của Hội đồng định giá và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa của các đương sự, HĐXX xác định tài sản chung của vợ chồng gồm có:

- Đất đai: Tổng diện tích 2.206 m² tại xóm 8, xã H, huyện Hương

Khê, tỉnh Hà Tĩnh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 415767 cấp ngày 16/11/2018 của UBND huyện H, thửa đất số 380, tờ bản đồ số 9, diện tích 2206,2m² (trong đó: 300 m² đất ở; 1906,2m² đất trồng cây lâu năm) có tổng trị giá: 138.263.000đ.

- Tài sản trên đất: 01 nhà xây bao và công trình liền kề tổng trị giá: 89.974.739đ; Mái che cột BTCT trị giá 11.193.168đ; Sân bê tông trị giá 13.991.460đ; Chuồng trại trị giá 3.136.219đ; Máy xới đất cầm tay trị giá 9.600.000đ; 01 con trâu 04 năm tuổi màu đen giống đực trị giá 31.700.000đ. Tổng cộng giá trị tài sản chung của hai vợ chồng là: 297.861.586đ.

Ngoài ra còn có một số tài sản, vật dụng khác, anh H, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết và thẩm định, định giá tài sản nên không xem xét giải quyết.

Khoản nợ chung của hai Ngân hàng có tổng trị giá là: 142.437.219đ

4.2. Xét đây là khối tài sản chung được hình T trong thời kỳ hôn nhân, anh H và chị H cùng nhau đóng góp tạo dựng mà có. Việc ông L, bà T cho rằng đất là của ông bà là không đúng, HĐXX không chấp nhận ý kiến của ông L bà T nên HĐXX không xem xét giải quyết. Vì ông L bà T đã tặng cho vợ chồng anh H chị H và đã được đăng ký quyền sử dụng đất mang tên anh Đoàn Mạnh H và chị Phan Thị H. Đây là tài sản chung của hai vợ chồng được tặng cho chung trong thời kỳ hôn nhân nên đất đai được giải quyết chia theo quy định. Các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX áp dụng khoản 1, 2, 3, 5 Điều 59; Khoản 2 Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4, khoản 6 Điều 7 T tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để chia tài sản. Xét các điều kiện quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình, chị H, anh H mỗi người sẽ được hưởng 1/2 trị giá tài sản. Theo nguyên tắc tài sản được chia bằng hiện vật, nếu không chia được bằng hiện vật thì phải phụ chia phần chênh lệch cho nhau.

4.3. Đối với tài sản trên đất: Do nhà ở xây dựng giữa phần đất nên phần đất có nhà có diện tích thừa đất lớn hơn, vì vậy HĐXX sẽ chia đất đai cho các bên đương sự căn cứ tình hình thực tế, công năng sử dụng công trình gắn liền với đất, đảm bảo điều kiện sinh hoạt và tránh trường hợp đương sự phải di dời tài sản gây lãng phí. Tại phiên tòa, chị H đề nghị được nhận phần đất không có nhà, còn nhà và phần đất lớn hơn nhường lại cho anh H sử dụng để thờ phụng tổ tiên vì anh H là con trai trưởng. Phần đất có diện tích lớn hơn giao cho anh H thì chị H không yêu cầu tính giá trị chênh lệch về đất, chỉ tính phần nhà ở và công trình liên kế với nhà. Tài sản trên đất là chuồng trâu, máy xới đất và con trâu thì chia đều cho hai bên. Do đó HĐXX quyết định chia như sau:

Giao cho chị Phan Thị H được quyền sử dụng và sở hữu như sau:

- Đất đai: Chị H được giao tổng diện tích: 870,1m² có trị giá 52.890.050đ (trong đó 100m² đất ở; 770,1m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 380, tờ bản đồ số 9 tại xóm 8, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 415767 cấp ngày 16/11/2018 của UBND huyện H. Phần đất ở được giao cho chị H có tứ cận cụ thể như sau (có sơ đồ kèm theo):

- + Phía Đông giáp đường dân cư có chiều dài: 19,50m;
- + Phía Tây giáp nhà ông Chu Văn Nam có chiều dài: 11,50m;
- + Phía Nam giáp nhà ông Trần Đình Thi có chiều dài 56,13m;
- + Phía Bắc giáp giao cho anh H có chiều dài: 55,94m;
- Tài sản trên đất và khoản nợ chung:

+ Máy xới đất cầm tay hiệu GN 91; xuất xứ Trung Quốc, lắp ráp tại Việt Nam từ tháng 6/2018; tải trọng 1200kg đã sử dụng hơn 1,5 năm; trị giá 9.600.000đ;

+ 01 con trâu 04 năm tuổi; màu đen; giống đực; trị giá 31.700.000đ.

Tổng cộng giá trị tài sản được giao cho chị H là: 94.190.050đ.

Đối với số nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, Hà Tĩnh: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay các bên đương sự đã thống nhất được về số nợ là: 62.000.000đ, lãi phát sinh tính đến ngày 16/9/2020 là 69.000đ. Chị H có trách nhiệm phải trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện H tổng số tiền là: 62.069.000đ.

Giao cho anh Đoàn Mạnh H được quyền sử dụng, sở hữu như sau:

- Đất đai: tổng diện tích: 1336,1m² có trị giá 85.373.050đ (trong đó 200m² đất ở; 1136,1m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 380, tờ bản đồ số 9 tại xóm 8, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 415767 cấp ngày 16/11/2018 của UBND huyện H, có tứ cận cụ thể như sau (có sơ đồ kèm theo):

+ Phía Đông đường dân cư có chiều dài: 22,66m;

+ Phía Tây giáp nhà ông Chu Văn Nam có chiều dài: 24,77m;

+ Phía Nam giáp đất giao cho chị H có chiều dài: 55,94m;

+ Phía Bắc giáp nhà ông Ngô Mạnh H có chiều dài: 56,13m;

- Công trình, vật kiến trúc:

+ Nhà xây bao (nhà xây bao hoàn chỉnh, chưa tính phần khung gỗ và mái); móng gạch, đá quả hoặc đá hộc; tường xây gạch tấp lô; cao 3m; nền láng xi măng; tường không quét vôi vè; cửa đi; cửa sổ bằng gỗ nhóm V (chưa tính khuôn ngoại); hệ thống điện đầy đủ; trị giá: 56.768.494đ;

+ Công trình liên kề (được liên kết với 1 mặt tường của công trình chính): Móng cây gạch đá, tường xây tấp lô, cao hộc 2,6m; cửa nhôm kính; tường không trát; nền láng xi măng; mái lợp fibro; trị giá 21.183.120đ;

+ Nhà khung gỗ nhỏ, 5-6; chiều cao cột cái 3,6m; đường kính cột cái 18cm; mái lợp ngói 22v/ m²; trị giá 10.792.031đ;

+ Mái che cột BTCT; khung sườn bằng gỗ nhóm IV trở xuống; lợp fibro; trị giá 11.193.168đ;

+ Cánh cửa đi bằng gỗ nhóm V trị giá 1.234.094đ;

+ Sân bê tông đá dăm; đá cuội sỏi dày 10cm; mác 200; trị giá 13.991.460đ;

+ Chuồng trại móng xây đá; trụ BTCT; tường xây gạch tấp lô; nền láng vữa xi

măng; không đồ trụ; không quét vôi; không có hệ thống điện; mái lợp fibro; có hệ thống điện; trị giá 3.136.219đ.

Tổng cộng giá trị tài sản giao cho anh H là: 203.761.636đ.

Phần đất được giao cho chị H có một phần diện tích mái che (dàn nắng) và sân đang nằm trên phần đất của chị H được giao. do đó anh H phải tháo dỡ phần diện tích này để giao mặt bằng đất cho chị H (có sơ đồ kèm theo).

Đối với số nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện H, Hà Tĩnh II: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay các bên đương sự đã thống nhất được về số nợ là: 80.000.000đ, lãi phát sinh tính đến ngày 16/9/2020 là: 368.219đ. Do anh H được nhận nhà ở và tài sản trên đất nhiều hơn so với chị H nên anh H phải chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh H, Hà Tĩnh II tổng số tiền là: 80.368.219đ.

Do tài sản sau khi được chia bằng hiện vật của anh H nhiều hơn của chị H là 76.998.586đ cho nên anh H phải thanh toán cho chị H phần chênh lệch tài sản là: 38.499.293đ. Đồng thời chị H trả số nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện H ít hơn anh H là 18.299.218đ nên chị H phải trả cho anh H số tiền 9.149.609đ. Nay buộc anh H phải thanh toán số tiền 29.349.684đ cho chị H. Chị H được nhận số tiền 29.349.684đ do anh H phụ chia tài sản.

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản chị Phan Thị H nhận nộp. Chị H đã nộp đầy đủ, tại phiên tòa các đương sự không có yêu cầu gì thêm nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2, 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015, điểm a, b khoản 1 Điều 24; điểm a, b Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và điểm b mục 1.1 phần II danh mục kèm theo Nghị quyết: Buộc chị Phan Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn, chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H theo biên lai số 0004541 ngày 05/6/2020. Nay nguyên đơn phải nộp tiếp số tiền 10.195.397đ và bị đơn phải nộp số tiền 11.819.547đ tiền án phí chia tài sản.

[6] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 59; Điều 60; Khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 2 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 18; Điểm a,

b khoản 1 Điều 24; Điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và điểm b mục 1.1 phần II danh mục kèm theo Nghị quyết. Tuyên xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Phan Thị H được ly hôn anh Đoàn Mạnh H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con tên là Đoàn Thị G, sinh ngày 28/01/2007 và con tên là Đoàn Phan Ngọc S, sinh ngày 22/5/2012 cho chị Phan Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng T (tròn 18 tuổi). Chị Phan Thị H không yêu cầu anh Đoàn Mạnh H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Anh Đoàn Mạnh H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở, đồng thời anh Đoàn Mạnh H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chị Phan Thị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về quan hệ tài sản chung **và khoản nợ:**

3.1. Giao cho chị Phan Thị H được quyền sử dụng, sở hữu như sau:

- **Đất đai:** Chị H được giao tổng diện tích: 870,1m² có trị giá 52.890.050đ (trong đó 100m² đất ở; 770,1m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 380, tờ bản đồ số 9 tại xóm 8, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 415767 cấp ngày 16/11/2018 của UBND huyện H. **Phần đất ở được giao cho chị H có tứ cận cụ thể như sau (có sơ đồ kèm theo):**

- + **Phía Đông giáp đường dân cư có chiều dài: 19,50m;**
- + **Phía Tây giáp nhà ông Chu Văn N có chiều dài: 11,50m;**
- + **Phía Nam giáp nhà ông Trần Đình T có chiều dài 56,13m;**
- + **Phía Bắc giáp giao cho anh H có chiều dài: 55,94m;**
- **Tài sản trên đất:**

+ Máy xới đất cầm tay hiệu GN 91; xuất xứ Trung Quốc, lắp ráp tại Việt Nam từ tháng 6/2018; tải trọng 1200kg đã sử dụng hơn 1,5 năm; trị giá 9.600.000đ;

+ 01 con trâu 04 năm tuổi; màu đen; giống đực; trị giá 31.700.000đ.

Tổng cộng giá trị tài sản được giao cho chị H là: 94.190.050đ.

Buộc chị Phan Thị H phải trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, Hà Tĩnh số tiền: 62.069.000đ (trong đó: nợ gốc: 62.000.000đ, lãi phát sinh tính đến ngày 16/9/2020: 69.000đ) theo Hồ sơ vay vốn ngày 25/6/2016 và ngày 08/8/2018.

3.2. Giao cho anh Đoàn Mạnh H được quyền sử dụng, sở hữu như sau:

- Đất đai: tổng diện tích: 1336,1m² có trị giá 85.373.050đ (trong đó 200m² đất ở; 1136,1m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 380, tờ bản đồ số 9 tại xóm 8, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 415767 cấp ngày 16/11/2018 của UBND huyện H, có tứ cận cụ thể như sau (có sơ đồ kèm theo):

+ Phía Đông đường dân cư có chiều dài: 22,66m;

+ Phía Tây giáp nhà ông Chu Văn Nam có chiều dài: 24,77m;

+ Phía Nam giáp đất giao cho chị H có chiều dài: 55,94m;

+ Phía Bắc giáp nhà ông Ngô Mạnh H có chiều dài: 56,13m;

- Công trình, vật kiến trúc:

+ Nhà xây bao (nhà xây bao hoàn chỉnh, chưa tính phần khung gỗ và mái); móng gạch, đá quả hoặc đá hộc; tường xây gạch tấp lô; cao 3m; nền láng xi măng; tường không quét vôi vè; cửa đi; cửa sổ bằng gỗ nhóm V (chưa tính khuôn ngoại); hệ thống điện đầy đủ; trị giá: 56.768.494đ;

+ Công trình liên kê (được liên kết với 1 mặt tường của công trình chính): Móng cây gạch đá, tường xây tấp lô, cao hộc 2,6m; cửa nhôm kính; tường không trát; nền láng xi măng; mái lợp fibro; trị giá 21.183.120đ;

+ Nhà khung gỗ nhỏ, 5-6; chiều cao cột cái 3,6m; đường kính cột cái 18cm; mái lợp ngói 22v/ m²; trị giá 10.792.031đ;

+ Mái che cột BTCT; khung sườn bằng gỗ nhóm IV trở xuống; lợp fibro; trị giá 11.193.168đ;

+ Cánh cửa đi bằng gỗ nhóm V trị giá 1.234.094đ;

+ Sân bê tông đá dăm; đá cuội sỏi dày 10cm; mác 200; trị giá 13.991.460đ;

+ Chuồng trại móng xây đá; trụ BTCT; tường xây gạch táp lô; nền láng vữa xi măng; không đổ trụ; không quét vôi; không có hệ thống điện; mái lợp fibro; có hệ thống điện; trị giá 3.136.219đ;

Tổng cộng giá trị tài sản giao cho anh H là: 203.761.636đ.

Buộc anh Đoàn Mạnh H phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện H, tỉnh Hà Tĩnh II tổng số tiền: 80.368.219đ (trong đó: nợ gốc: 80.000.000đ, lãi phát sinh tính đến ngày 16/9/2020: 368.219đ) theo Hợp đồng tín dụng số 3707LAV201805507 ngày 24/12/2018.

Buộc anh Đoàn Mạnh H phải thanh toán cho chị Phan Thị H số tiền là: **29.349.684đ** tiền phụ chia chênh lệch giá trị tài sản lớn hơn phần anh Đoàn Mạnh H được hưởng và **anh Đoàn Mạnh H phải tháo dỡ, di dời phần mái che (dàn nắng) và sân nằm trên diện tích đất mà chị Phan Thị H được giao (có sơ đồ kèm theo).**

Chị Phan Thị H và anh Đoàn Mạnh H có quyền đến gặp các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (16/9/2020) anh H và chị H phải chịu tiền lãi suất phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng vay nợ với Ngân hàng. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, nguyên đơn chị Phan Thị H nhận nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Chị Phan Thị H đã nộp đầy đủ, nay không phải nộp thêm nữa.

5. Về án phí: Chị Phan Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn, chị H đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004541 ngày 05/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, nay không phải nộp nữa. Chị Phan Thị H còn phải nộp tiếp 10.195.397đ tiền án phí dân sự có giá ngạch và anh Đoàn Mạnh H phải nộp 11.819.547đ tiền án phí dân sự có giá ngạch.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ +VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Phú

**TRÍCH ĐO SƠ ĐỒ VỊ TRÍ THỬA ĐẤT CỦA ANH ĐOÀN MẠNH H VÀ
CHỊ PHAN THỊ H TẠI XÓM 6, XÃ H, HUYỆN H, TỈNH HÀ TĨNH**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Phú

Phần đất được giao cho anh H

Phần đất được giao cho chị H

Phần đất được giao cho anh H

Phần đất được giao cho chị H

Phần đất được giao cho anh H

Phần đất được giao cho chị H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Phú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Minh

Phạm Ngạch

Lê Văn Phú

